BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 156/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài như sau:

Điều 1. Mức thu

1. Sửa đổi, bổ sung mục III phần A Biểu mức thu phí và lệ phí lãnh sự ban hành kèm theo Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính như sau:

STT	Danh mục lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
III	Thị thực các loại		
1	Loại thị thực có giá trị nhập xuất cảnh 01 lần	Chiếc	25 USD

STT	Danh mục lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
2	Loại thị thực có giá trị nhập xuất cảnh nhiều lần:		
a)	Loại có giá trị đến 03 tháng	Chiếc	50 USD
b)	Loại có giá trị trên 03 tháng đến 06 tháng	Chiếc	95 USD
c)	Loại có giá trị trên 06 tháng đến 01 năm	Chiếc	135 USD
d)	Loại có giá trị trên 01 năm đến 02 năm	Chiếc	145 USD
e)	Loại có giá trị trên 02 năm đến 05 năm	Chiếc	155 USD
3	Chuyển thị thực còn giá trị từ hộ chiếu cũ sang hộ chiếu mới	Chiếc	5 USD

2. Bãi bỏ khoản phí xử lý hồ sơ cấp Giấy miễn thị thực đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài quy định tại mục V phần A Biểu mức thu phí và lệ phí lãnh sự ban hành kèm theo Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính như sau:

a) Người đứng đầu Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm xem xét, quyết định lựa chọn ngân hàng có uy tín để mở tài khoản của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phục vụ hoạt động của Cơ quan đại diện, đảm bảo an toàn tiền gửi Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

b) Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức thực hiện hạch toán kế toán khoản thu phí, lệ phí lãnh sự; khi phát sinh số thu, nộp 70% (bảy mươi phần trăm) số tiền phí, lệ phí lãnh sự và số tiền lãi gửi ngân hàng thực phát sinh vào Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

c) Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao hàng năm của khối Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; Bộ Ngoại giao có thể sử dụng Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, mức tối đa không vượt quá dự toán chi ngân sách nhà nước được giao và kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài sau khi làm thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước;

d) Định kỳ vào tháng đầu của quý sau (riêng số phát sinh quý IV năm hiện hành, sẽ làm thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước vào tháng đầu quý I năm sau - trong thời gian chỉnh lý quyết toán), Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

có trách nhiệm nộp số phí, lệ phí lãnh sự (phần 70%) và số tiền lãi gửi ngân hàng thực phát sinh vào Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước. Số kinh phí thực rút từ Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước để chi tiêu, Kho bạc Nhà nước ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước tương ứng nhu cầu chi tiêu quý sau của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

e) Trường hợp số dư Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thấp hơn nhu cầu chi tiêu, Bộ Ngoại giao chuyển kinh phí (phần chênh lệch) cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để đảm bảo kinh phí chi tiêu;

g) Trường hợp số dư Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài lớn hơn so với dự toán được giao của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì:

- Đối với các địa bàn khó khăn trong việc chuyển đổi ra ngoại tệ mạnh, phí chuyển tiền cao thì cho phép Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được để lại số dư Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước để đảm bảo kinh phí hoạt động cho thời gian sau;

Căn cứ tình hình thực tế của các địa bàn, Bộ Ngoại giao quy định danh mục các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài khó khăn trong việc chuyển đổi ra ngoại tệ mạnh, phí chuyển tiền cao thông báo đến các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện và Kho bạc Nhà nước để kiểm soát. Hàng năm, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm rà soát để sửa đổi bổ sung danh mục này cho phù hợp với tình hình thực tế;

- Đối với các địa bàn thuận lợi trong việc chuyển đổi ngoại tệ, sau ngày 31 tháng 12 năm thực hiện và trước ngày 31 tháng 01 năm sau (thời gian chỉnh lý ngân sách hàng năm), khối Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện chuyển số tiền còn lại tại Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước không có nhu cầu sử dụng về nộp vào Quỹ ngoại tệ tập trung của ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước để hạch toán thu vào ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2015. Thay thế Thông tư số 200/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài.

2. Các nội dung khác liên quan đến phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài không đề cập tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 236/2009/TT-BTC

ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai